

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH

Rà soát phân định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số

(Kèm theo Báo cáo số /..... ngày tháng năm)

TT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí xác định thôn vùng dân tộc thiểu số						Tiêu chí xác định thôn miền núi		
			Tổng số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Trong đó dân tộc thiểu số		Tỷ lệ người dân tộc thiểu số (%)	Đánh giá (đạt, không đạt)	Độ cao so mực nước biển (m)	Độ dốc địa hình (%)	Đánh giá đạt/không đạt
					Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7/5)*100	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng		2.015	7.253	1.812	6.496					
I	Xã Ba Dinh		2.015	7.253	1.812	6.496					
1		Thôn Gò Ghềm	219	758	217	752	99,21%				
2		Thôn Kà La	289	1.042	286	1.028	98,66%				
3		Thôn Nước Lô	151	532	147	519	97,56%				
4		Thôn Gò Khôn	163	605	162	600	99,17%				
5		Thôn Ba Nhà	163	590	163	590	100,00%				
6		Thôn Đồng Dinh	198	674	198	674	100,00%				
7		Thôn Gò Lê	112	378	0	1	0,26%				
8		Thôn Nước Lang	211	752	149	496	65,96%				
9		Thôn Làng Măng	263	948	244	862	90,93%				
10		Thôn Kách Lang	246	974	246	974	100,00%				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH

Rà soát xác định xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm)

[illegible]

UY BAN NHAN DAN XA BA DINH

Biểu rà soát phân định thôn đặc biệt khó khăn

(Kèm theo báo cáo số / ngày tháng năm)

TT	Tên xã	Tên thôn, tổ dân phố, phun, sóc...	Tiêu chí					Số tiêu chí đáp ứng
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)	
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)			
	Tổng cộng		0,00%	0,00%	0,00%			
I	Xã Ba Dinh							
1		Thôn Gò Ghềm						
2		Thôn Kà La						
3		Thôn Nước Lô						
4		Thôn Gò Khôn						
5		Thôn Ba Nhà						
6		Thôn Đồng Dinh						
7		Thôn Gò Lê						
8		Thôn Nước Lang						
9		Thôn Làng Măng						
10		Thôn Kách Lang						

UY BAN NHAN DAN XA BA DINH

Rà soát xác phân xã theo trình độ phát triển (xã khu vực I, II, III)
(Kèm theo báo cáo số /..... ngày tháng năm)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tiêu chí phân định xã theo trình độ phát triển												Số tiêu chí đáp ứng theo phân loại xã	Phân l	
		1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11		12	Tỷ lệ thôn ĐBK của xã (%)
						5.1	5.2									
1	Xã Ba Đình															

Ghi chú: Tiêu chí tương ứng

1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm)

2. Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)

3. Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)

4. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)

5. 5.1 Tỷ lệ đường xã nhựa hóa hoặc bê tông hóa bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)
5.2 Tỷ lệ đường xuống cấp nghiêm trọng (%)

6. Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030
7. Tỷ lệ số trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định tại mức 1 (%)

8. Chưa có hoặc có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng được c của học sinh (%)

9. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (%)

10. Chưa có TT Văn hóa - Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể t cấp xã chưa đạt chuẩn

11. Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định dưới 95%

12. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)

loại
Xếp loại xã hu vực I, II, III

chỗ ở

hào